

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/10/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+RP3+TD1	7:25	21+1+0	0+0+0		0+13+9	0+0+0	chuyen 2 rp3-td1
2		P9+P8+P10	7:25	14+7+1	0+0+0		8+9+5	0+0+0	
3		CLO+BK4+PPD	7:25	12+8+2	0+0+0		7+0+15	0+0+0	
4		CLO+BK19+GTCL	7:25	14+3+5	0+0+0		14+0+5	0+0+0	
5		T.JUNG	7:25	18	0		19	0	
6		P6+BK15+RC3	9:25	22+0	0+0		19+1+2	0+0	
7		TTC2+VSP01+BK6	9:25	4+16+1	0+0+0		3+15+4	0+0+0	
8		BK21+P3+MRM	9:25	8+0+13	0+0+0		4+2+15	0+0+0	
9		PVD1+BK14+TD1	9:25	18+0+4	0+0+0		3+0+19	0+0+0	chuyen 2 bk14-td1
10		AMD+P4+P5	11:25	21+1	0+0		18+1+1	0+0	P5 người khác
11		TGTH4+P8	11:25	4+18	0+0		4+17	0+0	
12		PVD1+BK10	11:25	20+2	0+0		16+6	0+0	
13		AMD+P6+BK3	13:25	13+9+0	0+0+0		6+3+13	0+0+0	
14		TTC1+VSP01+BK8	13:25	14+8	0+0		8+13	0+0	BK8 người khác
15		TD5+P2+CTK3	13:25	6+12+4	0+0+0		1+13+8	0+0+0	chuyen 1 p2-ctk3

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2022	TO: TD1 - RP3 - TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - NPhú - THỤ -	ETA: 09:20
VANG-1		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HUY QUANG	TD1	30	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN PHONG	TD1	31	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
3	BUI VĂN LUẬN	TD1	23	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	20	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	29	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	19	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	38	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM MINH TRỌNG	TD1	18	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM QUANG ANH	TD1					82	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN THANH TUẤT	TD1	17	1	9		54	KHOAN	Vietnamese
11	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	22	1	12		69	KHOAN	Vietnamese
12	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	21	1	12		81	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	16	1	10		84	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG TUẤN ANH	TD1	27	1	10	65	75	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN THANH TÀI	TD1	32	1	6		54	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG SƠN	TD1	35	1	8		73	DVL	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC THỊNH	TD1	33-34	2	11		54	XAYIAP	Vietnamese
18	LÀ TUẤN LINH	TD1	24-25	2	12		72	XAYIAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HIẾN	TD1	36-37	2	20		82	XAYIAP	Vietnamese
20	PHẠM QUANG HUY	TD1	39	1	10		105	XAYIAP	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	TD1	28	1	3		78	PSV	Vietnamese
22	TRẦN QUỐC KIỆM	RP3	95	1	5	30	90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	23	162	1.528	65	0		CHUYỂN 2 PAX RP3 → TD1
2	RP3	1	1	5	90	30	13	42	
3	TD1	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	24	167	1.618	95	22		
WEIGHT KG				167	1.618	95			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2022	TO: P9 - P8 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: KHOÀN - VThắng - HIẾU - Tú	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG ANH MINH	P9	78	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THE VU	P9	27	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG THANH BINH	P9	18-19	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
4	HÀ THIÊN HUỆ	P9	20	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN HAI NAM	P9	21	1	8	60	67	XAYLAP	Vietnamese
6	TRINH ĐAC HUNG	P9	22	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN VAN TOAN	P9	26	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
8	MAI THANH TU	P9	25	1	9		62	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN HAI	P9	15-16	2	10		50	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN MANH HUNG	P9	76-77	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN SY TAI	P9	14	1	15		50	XAYLAP	Vietnamese
12	LAI VAN MANH	P9	12-13	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI VAN CHINH	P9	17	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC QUANG	P9	23-24	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
15	LZAREV	P8	49	1	10		82	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN KIM SON	P8	50	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC CHAN	P8	48	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM MINH DUONG	P8	47	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NHAN	P8					60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUC THANG	P8	46	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐAO TIEN DAT	P8	51-52	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
22	LE NGOC NGUYEN	P10					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	14	19	182	921	60	8		
2	P8	7	7	51	522	0	9		
3	P10	1	0	0	70	0	5		
TOTAL		22	26	233	1.513	60	22		
WEIGHT KG				233	1.513	60			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNH REP.

Hoa

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/10/2022	TO: CLO - BK4 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VTHU - Hạnh - thông	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH NHAN	CLO	96	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN KHANG	CLO					60	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	2000	1	5	20	70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH HAI	CLO	90-91	2	10		78	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN ĐẶC KIM	CLO	88-89	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
6	KHUẤT QUANG KIẾN	CLO	92	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN LẬP QUỐC	CLO	95	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN BÌNH	CLO	93	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	94	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC AN	CLO					70	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN QUYNH	CLO	98	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG TRUNG THÔNG	CLO	97	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN SÁCH ĐƠN	BK4	98	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ HOÀNG NAM	BK4	100	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG SƠN	BK4	78,79	2	18	40	80	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN LINH	BK4	25-26	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU VIỆT	BK4	23	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	BK4	24	1	5		75	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG	BK4	94-95	2	18		70	ANTOAN	Vietnamese
20	VŨ VĂN DỤC	BK4	96-97	2	8		68	ANTOAN	Vietnamese
21	LÊ HỒNG QUAN	PPD	90-91	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
22	BIỆN VĂN THÀNH	PPD	88-89	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	12	12	63	818	20	7		
2	BK4	8	12	102	573	40	0		
3	PPD	2	4	36	137	0	15		
TOTAL		22	28	201	1.528	60	22		
WEIGHT KG				201	1.528	60			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 04	TO: CLO - BK19 - GTC1	CREW: MTHAO - Nam - MQUÂN -	ETA: 09:15
CAM-1		N.Cuong	

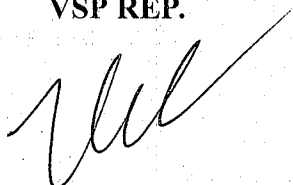
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỂ NHƯ	CLO	22-23	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG THANH MINH	CLO	20-21	2	10		59	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LỤC	CLO	26	1	9		61	KHOAN	Vietnamese
5	KARAVKA IVAN	CLO	19	1	15		110	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN DUY ĐÔNG	CLO	32	1	7		71	PSV	Vietnamese
7	LÊ NHỎ CANG	CLO	30	1	7		71	PSV	Vietnamese
8	HOÀNG HỮU THU	CLO	28	1	5		74	PSV	Vietnamese
9	VŨ MẠNH HƯƠNG	CLO	18	1	5		50	PSV	Vietnamese
10	LẠI ĐÌNH HAI	CLO	24	1	8		85	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TUÂN	CLO	25	1	5		76	PSV	Vietnamese
12	VŨ NGỌC HÙNG	CLO	29	1	6		60	PSV	Vietnamese
13	NGÔ THỂ ANH	CLO	27	1	5		60	PSV	Vietnamese
14	LUƠNG MẠNH HƯƠNG	CLO	31	1	3		60	PSV	Vietnamese
15	HUYNH MINH SANG	BK19	57	1	5	45	78	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ XUÂN THANH	BK19	58	1	7		110	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	BK19	56	1	5		85	GETRACO	Vietnamese
18	HOÀNG MỸ TRƯỜNG	GTC1	30	1	10	40	60	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM DUY ĐỀN	GTC1	31,72	2	27		62	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ XUÂN HAI	GTC1	73-74	2	12		88	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ HỒNG DƯƠNG	GTC1	75-76	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN VĂN KIM	GTC1	375,77	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

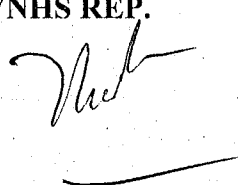
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	14	15	97	987	0	14		
2	BK19	3	3	17	273	45	0		
3	GTC1	5	9	89	331	40	6		
TOTAL		22	27	203	1.591	85	20		
WEIGHT KG				203	1.591	85			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

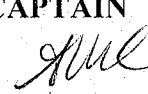
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:45
FLIGHT: 05	TO: T.UNG	CREW: KIÊN - LTuấn	ETA: 11:00
TRANG-1 <i>A</i>			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC HIỀU	T.UNG	67	1	7	20	70	PVEP ITC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG	395	1	6		66	PVEP ITC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	95	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	T.UNG	92	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	700	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN MINH TÂM	T.UNG	96	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	91	1	9		59	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	396	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN CƯỜNG	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	93	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	KIỀU XUÂN TÂM	T.UNG	398	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY DŨ	T.UNG	98-99	2	12		94	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐAN	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
14	BÙI TRỌNG HÙNG	T.UNG	97	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO DUY TŨ	T.UNG	397	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	399	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRIỆU TÂN CÔNG SƠN	T.UNG	94	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	16	101	1.192	70	19		
TOTAL		17	16	101	1.192	70	19		
WEIGHT KG				101	1.192	70			

GRAND TOAL: 1.363 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/10/2022	TO: P6 - BK15 - RC3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VTHU - Hạnh - thông	ETA: 11:30
Isang - 2			

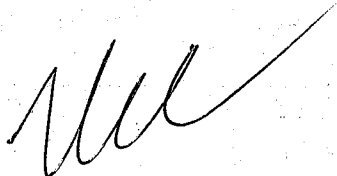
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNAVSKIY D S	P6	48	1	9		115	XAYLAP	Russian
2	TONG VAN DUC	P6	92-93	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG THANG LONG	P6	94	1	10	43	74	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN MINH TÂM	P6	90-91	2	14	50	62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHANH HÙNG	P6	88-89	2	15		65	XAY LAP	Vietnamese
6	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	P6	43	1	6		72	GETRACO	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT BÙNG	P6	50	1	3		50	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYỄN NGÔ HOÀN	P6	37-38	2	8		67	YTE	Vietnamese
9	PIATOV S.V	P6	300	1	8		95	KH-THAC	Russian
10	HA DUY ĐÔNG	P6					90	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐẠI THANH	P6	40	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	42	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	PHƯƠNG VĂN MINH	P6	97	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI TRỌNG BÌNH	P6	41	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ VĂN HOÀN	P6	44-46	3	13		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU TOÀN	P6	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HÙNG	P6	97-98	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	P6	90	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUANG MINH	P6					80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG KHOA	P6	47	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG TIEN DUNG	P6	99	1	5		98	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN XUÂN KHANH	P6	49	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

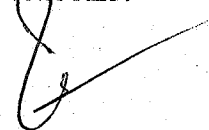
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	27	170	1.630	93	19		
2	BK15	0	0	0	0	35	1		
3	RC3	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		22	27	170	1.630	148	22		
WEIGHT KG				170	1.630	148			

GRAND TOAL: 1.948 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2022	TO: TTC2 - VSP01 - BK6	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: MTHAO - Nam - MQUÂN -	ETA: 11:15
CAM-2		N.Cường	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2					75	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯU VĂN AN	TTC2	69	1	4	30	65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TIẾN QUY	TTC2	68	1	10		74	PSV	Vietnamese
4	BORVINSKY	VSP01	13	1	10		87	KH-THAC	Russian
5	TRUBOCHKIN	VSP01	15	1	5		77	KH-THAC	Russian
6	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ QUANG HUY	VSP01	16-17	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN TIẾN BÌNH	VSP01	09	1	9		92	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NAM SINH	VSP01	05	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THUẬN HAI	VSP01	68	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HOANG THANH	VSP01	14	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ QUANG HÙNG	VSP01	06	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	08	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	03-04	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRONG NAM	VSP01	11-12	2	14		90	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP01	01	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THUY	VSP01	07	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH TUÂN	VSP01	10	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN ANH ĐỨC	BK6	96	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	3	2	14	214	30	3		
2	VSP01	16	18	120	1.171	0	15		
3	BK6	1	1	5	68	0	4		
TOTAL		20	21	139	1.453	30	22		
WEIGHT KG				139	1.453	30			

GRAND TOAL: 1.622 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 08	TO: BK21 - P3 - MRM	CREW: XHOÀN - VThắng - HIẾU -	ETA: 11:10
XANH-2		Tú	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRUNG HIẾU	BK21	58	1	13	30	70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRUNG TUÂN	BK21	53	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC QUY	BK21	06	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG THAI ANH	BK21	52	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG HUY	BK21	51	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ BA NAM	BK21	54-55	2	22		84	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG THANH	BK21	56-57	2	20		75	ANTOAN	Vietnamese
8	TRẦN CAO MONG	BK21	59-60	2	7		55	GETRACO	Vietnamese
9	NABOKOV ANDREI	MRM	26	1	7		82	NHATHAU	Russian
10	SAVELEV NIKITA	MRM	32	1	8		95	NHATHAU	Russian
11	TYSIACHNIK ALEKSANDR	MRM	30-31	2	25		85	NHATHAU	Russian
12	GOLUBEV ALEKSANDR	MRM	25	1	10		89	NHATHAU	Russian
13	KUCHMII EGOR	MRM	27-29	3	18		105	NHATHAU	Russian
14	HOANG XUAN CANH	MRM	19-20	2	10		68	NHATHAU	Vietnamese
15	NGUYỄN THIẾU BÌNH	MRM	23-24	2	20		57	NHATHAU	Vietnamese
16	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	MRM	21	1	11	35	78	NHATHAU	Vietnamese
17	ĐẶNG TRỌNG THỰC	MRM	22	1	12		71	NHATHAU	Vietnamese
18	NGUYỄN TUÂN DUƠNG	MRM	02	1	14		86	NHATHAU	Vietnamese
19	PHẠM TÙNG VY	MRM	200,01	2	20		68	NHATHAU	Vietnamese
20	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	MRM	17	1	10		70	NHATHAU	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THỜI	MRM	18	1	11		66	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	8	11	96	578	30	4		
2	P3	0	0	0	0	15	2		
3	MRM	13	19	176	1.020	35	15		
TOTAL		21	30	272	1.598	80	21		
WEIGHT KG				272	1.598	80			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 09	TO: PVD1 - BK14 - TD1	CREW: TTrung - NPhú - THỤ - Thành	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ĐÌNH DƯƠNG	PVD1	62-63	2	20		86	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ CÔNG BẢNG	PVD1	60	1	10	20	60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	PVD1	65-66	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU TRƯỞNG	PVD1	71-72	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN CƯỜNG	PVD1	67-68	2	16		56	XAY LAP	Vietnamese
6	BUI MINH HIẾU	PVD1	69-70	2	20		84	XAYLAP	Vietnamese
7	ROBERT SEAN HARRIS	PVD1	56-57	2	15		87	PVD	British
8	NGUYỄN XUÂN THẮNG	PVD1	46	1	5	20	74	PVD	Vietnamese
9	TRỊNH HỮU TRUNG	PVD1	48-49	2	12		81	PVD	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG LONG	PVD1	52	1	4		75	PVD	Vietnamese
11	ĐÀO VĂN SINH	PVD1	53	1	6		60	PVD	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐƯƠNG	PVD1	54-55	2	6		70	PVD	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TUÂN	PVD1	47	1	4		73	PVD	Vietnamese
14	LÊ VIỆT THỨC	PVD1	50	1	4		85	PVD	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO TUÂN	PVD1	51	1	4		52	PVD	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU TRI	PVD1	45	1	5		70	PVD	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PVD1	58	1	9		57	PVD	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC HUNG	PVD1	59	1	6		77	PVD	Vietnamese
19	LÊ XUÂN TÌNH	TD1	45	1	5		90	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1	43	1	3	60	52	PSV	Vietnamese
21	HOÀNG NGỌC KHANH	TD1	44	1	5		74	PSV	Vietnamese
22	PHAN LÊ MINH TOÀN	TD1	46	1	7		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

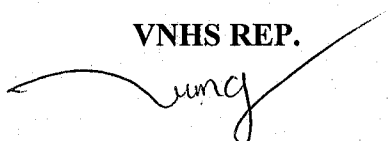
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	18	26	181	1.278	40	3		CHUYEN 2 PAX BK14-TD1
2	BK14	0	0	0	0	0	0	2	
3	TD1	4	4	20	301	60	19		
TOTAL		22	30	201	1.579	100	22		
WEIGHT KG				201	1.579	100			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2022	TO: AMD - P4 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐNam - DTùng	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN AN	AMD	91	1	7	40	70	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN VO BA LINH	AMD	97-98	2	15		72	HLJOC	Vietnamese
3	STANLEY FUREY	AMD	32-33	2	19		107	BAB	British
4	DUONG CHI PHONG	AMD	34	1	10	33	70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN TRUNG KIEN	AMD	94	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN QUANG LONG	AMD	29	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LE ANH MINH	AMD	99	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG MINH ĐỨC	AMD	28	1	11		77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN LE HONG VU	AMD	86	1	7		61	TLJOC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH DIEU	AMD	30	1	7		84	HLJOC	Vietnamese
11	PHAN VAN HAO	AMD	01,900	2	14		55	HLJOC	Vietnamese
12	PHAM XUAN DUONG	AMD	35-36	2	11		60	HLJOC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HUNG	AMD	31	1	4		69	HLJOC	Vietnamese
14	BIEN VAN TRANG	AMD	92	1	8		73	HLJOC	Vietnamese
15	PHAM VAN QUANG	AMD	95	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN HUU DANG	AMD	87	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HUNG	AMD	93	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN ĐỨC TRUNG	AMD	96	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG DINH VINH	AMD	88-89	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
20	LÀ NGỌC MẠNH	AMD	85	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VAN SAU	AMD	90	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN SANG	P4	11-12	2	10	70	65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	26	174	1.484	73	18		
2	P4	1	2	10	65	70	1		
3	P5	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	28	184	1.549	143	20		
WEIGHT KG				184	1.549	143			

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

[Signature] ← *[Signature]*

[Signature]

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:05
FLIGHT: 11	TO: TGTH4 - P8	CREW: Linh - Duong - Huy	ETA: 13:45
CAM-3			

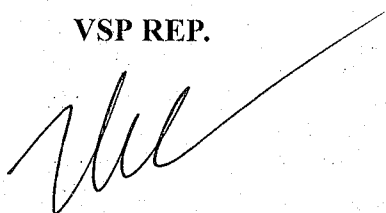
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TÚ	TGTH4	67	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	TGTH4	65	1	10	10	65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NGHĨA	TGTH4	68-69	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	TGTH4	64	1	8		67	PSV	Vietnamese
5	HOANG NAM HAI	P8	77	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					88	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TÚ ANH	P8	68	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN THÀNH NAM	P8	78	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	76	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRI HUNG	P8	82	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG HUY	P8	81	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	79	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P8	70	1	8		121	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HOÀNG GIANG	P8	67	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN KHIÊM HIẾU	P8	80	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG VĂN TÙNG	P8	69	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI QUÂN	P8	73	1	10	8	65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUANG THẮNG	P8	83	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG TRI NAM	P8	75	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ HOÀNG TRUNG ĐỨC	P8	84-85	2	10		65	T-TIN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN DU	P8	43	1	5		82	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NAM	P8	71-72	2	13		70	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

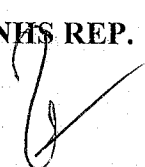
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	4	5	43	256	10	4		
2	P8	18	19	122	1.348	8	17		
TOTAL		22	24	165	1.604	18	21		
WEIGHT KG				165	1.604	18			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

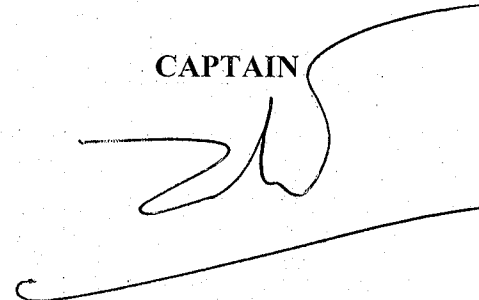
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 3	TO: PVD1 - BK10	CREW: HUNG - N.ANH - Toan	ETA: 13:50
NAU-3			

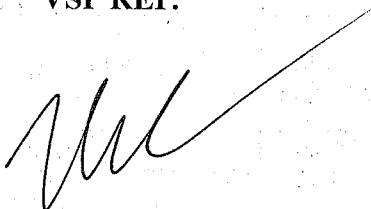
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH TAN DUYEN	PVD1	03	1	5		65	PVD	Vietnamese
2	DO MINH HAI	PVD1	04	1	7		70	PVD	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TRANG	PVD1	81-82	2	17		62	PVD	Vietnamese
4	TRINH VAN KIEN	PVD1	80	1	15		65	PVD	Vietnamese
5	THAI VAN QUY	PVD1	83	1	8	15	70	PVD	Vietnamese
6	TRAN VAN LAI	PVD1	86-87	2	18		66	PVD	Vietnamese
7	NGO VAN CUONG	PVD1	02	1	16		70	PVD	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN ANH	PVD1	93-94	2	10		82	PVD	Vietnamese
9	ĐINH NGOC HIEU	PVD1	06	1	9		77	PVD	Vietnamese
10	PHAM HONG MINH	PVD1	01	1	15		82	PVD	Vietnamese
11	LE NGUYEN TRONG NGHI	PVD1	88-89	2	13		88	PVD LOGO	Vietnamese
12	LE DAC VU	PVD1	90	1	12		82	PVD LOGO	Vietnamese
13	NGO VIET PHUONG	PVD1	95	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
14	VO THANH NHAN	PVD1	97-98	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
15	DANG MINH SON	PVD1	96	1	11		70	BAKER HU	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC HUY	PVD1	05	1	10		55	NHATHAU	Vietnamese
17	TA NGOC HIEU	PVD1	79	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN DANG HUAN	PVD1	99	1	7	15	78	XAYLAP	Vietnamese
19	HA TUAN DUNG	PVD1	91	1	10	15	75	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM NGOC HOA	BK10	92-93	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THUY	BK10	90-91	2	15	30	50	BIENDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

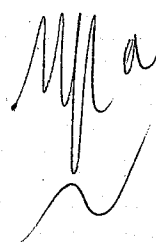
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	19	24	217	1.383	45	16		
2	BK10	2	4	31	113	30	6		
TOTAL		21	28	248	1.496	75	22		
WEIGHT KG				248	1.496	75			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

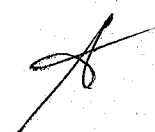
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:00
FLIGHT: 13	TO: AMD - P6 - BK3	CREW: TUYỀN - ĐNam - DTùng	ETA: 15:40
HONG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	13	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TUẤN ANH	AMD	37	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	19-20	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THIN	AMD	12	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	AMD	21-22	2	17		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CÔNG	AMD	14-15	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HÙNG	AMD	09-10	2	17		65	PSV	Vietnamese
8	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	17	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	11	1	7		57	PSV	Vietnamese
10	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	18	1	6		57	PSV	Vietnamese
11	HỒ ĐỨC VIỆT	AMD	16	1	5		74	PSV	Vietnamese
12	PHẠM VĂN DUNG	AMD	07-08	2	8		74	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HUY	P6	69	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG MINH	P6	81	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ MINH SỸ	P6	73-74	2	9	30	75	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN NAM HOÀNG	P6	70-71	2	15	20	55	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH KHÁ	P6	75-76	2	11		67	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN VŨ HÙNG	P6	80	1	12		81	CODIEN	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN THANH	P6	72	1	7	60	85	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM MINH VŨ	P6	77-78	2	15	10	80	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC TUẤN	P6	60	1	7		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	17	115	795	0	6		
2	P6	9	13	91	666	120	4		
3	BK3	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		21	30	206	1.461	120	22		
WEIGHT KG				206	1.461	120			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

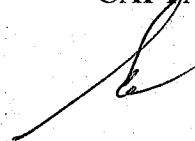
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2022	TO: TTC1 - VSP01 - BK8	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:05
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: Linh - Dương - Huy	ETA: 15:45
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU ĐỨC HÙNG	TTC1	22	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC1	27	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NHẬT THANH	TTC1	15	1	10	70	60	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HUY THAI	TTC1	19-21	3	18		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TTC1	16	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN PHÚC NGUYỄN	TTC1	08-09	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BỘ	TTC1	17-18	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
8	TRƯƠNG CHÍ THANH	TTC1	14	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VĂN CUÔNG	TTC1	12-13	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ ĐĂNG TIỀN	TTC1	10	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN TUẤN VIỆT	TTC1	23-24	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ VĂN TRUNG	TTC1	25-26	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH PHỤNG	TTC1	11	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1					70	GETRACO	Vietnamese
15	HOANG TRỌNG CHUNG	VSP01	21	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY ĐÔNG	VSP01	19	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN THANH LỢI	VSP01	25	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH HÀ	VSP01	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG	VSP01	20	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	24	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ QUANG THANH	VSP01	22-23	2	12		65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	14	20	173	960	70	8		
2	VSP01	7	8	49	499	0	13		
3	BK8	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	28	222	1.459	70	22		
WEIGHT KG				222	1.459	70			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:10
FLIGHT: 15	TO: TD5 - P2 - CTK3	CREW: HUNG - N.ANH - Toan	ETA: 15:50
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN PHONG	TD5	57-58	2	6		69	KHOAN	Vietnamese
2	DUONG QUOC VIET	TD5	11	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
3	VO TAN HOA	TD5	56,60	2	18		75	SCHLUMB	Vietnamese
4	NGUYEN THANH PHU	TD5	15,59	2	18		87	SCHLUMB	Vietnamese
5	NGUYEN VAN QUI	TD5	12-13	2	10		72	SHINTRAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TUNG.	TD5	14	1	5		63	SHINTRAC	Vietnamese
7	TRAN QUOC TRUNG	P2	38	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG TRỌNG THAO	P2	40	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LUU ĐUC THINH	P2	25	1	10	16	69	XAYLAP	Vietnamese
10	LE MINH KHANH	P2	35-36	2	13		90	XAYLAP	Vietnamese
11	VU VAN HUY	P2	32	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN DINH TOI	P2	27-28	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI VAN TUYEN	P2	41-42	2	16		58	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC KIM	P2	33-34	2	16		62	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN QUY DUNG	P2	31	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN BA	P2	29	1	10	13	70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN HAI ANH	P2	37	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
18	MAI VAN VINH	P2	39	1	7		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG TUNG	CTK3	98	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
20	LE ĐANG MINH ĐUC	CTK3	200,99	2	17		87	KH-THAC	Vietnamese
21	DINH HONG THANG	CTK3					70	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

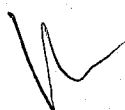
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	10	67	424	0	1		CHUYEN 1 P2 -CTK3
2	P2	12	16	144	810	29	13	+1	
3	CTK3	3	3	27	239	0	8		
TOTAL		21	29	238	1.473	29	22		
WEIGHT KG				238	1.473	29			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

